

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST

Ngày: 20-10-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Trường Hận.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Cho.

2. Ông Lưu Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-DS ngày 08/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2021/QĐST-DS ngày 29/9/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *(Có mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ:* Luật sư C - Do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử. *(Có mặt)*

**- Bị đơn:** Bà S, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *(Vắng mặt lần 02 không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2020 nguyên đơn trình bày:** Cuối năm 2018 bà S có hợp đồng mua tràm của ông Đ. Đến ngày 04/02/2020 bà S còn nợ số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận bà S có trả được 10.000.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 60.000.000 đồng bà S không trả nữa. Do đó, ông Đ yêu cầu bà S trả số tiền 60.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa ông Đ trình bày:* Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu bà S trả 60.000.000 đồng, nhưng sau khi khởi kiện, bà S có trả thêm cho ông được 5.000.000 đồng. Như vậy, bà S còn nợ 55.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà S trả 55.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

*- Bị đơn là bà S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

*- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và ông Đ, Luật sư đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đ, Luật sư đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà S trả cho ông Đ số tiền 55.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị đơn là bà S đã được Tòa án triệu tập để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt 02 lần nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đ và bà S có hợp đồng mua bán trầm, nhưng xảy ra tranh chấp, ông Đ yêu cầu bà S trả tiền mua trầm còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

[2] Ông Đ yêu cầu bà S trả tiền mua trầm còn thiếu là 55.000.000 đồng. Ông Đ có cung cấp chứng cứ là biên nhận với số tiền còn thiếu là 70.000.000 đồng, có chữ ký ghi tên bà S.

Bà S vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của ông Đ.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà S để làm việc, đối chiếu số nợ và đã nhiều lần đến nhà để làm việc nhưng bà S đều cố tình né tránh. Tòa án tổ chức hòa giải để các bên thương lượng, tự thỏa thuận nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Tòa án cũng đã tổ chức mở phiên tòa hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là tự đánh mất các quyền được tự thỏa thuận, mất quyền được trình bày ý kiến và tranh tụng tại phiên tòa.

Ông Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ là biên nhận, bà S không có ý kiến phản đối nên xem đây là tình tiết, sự kiện có thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, thấy rằng ông Đ trình bày là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của ông Đ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định nên buộc bà S trả cho ông Đ số tiền mua trà còn nợ là 55.000.000 đồng.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bà S phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 2.750.000 đồng. Ông Đ không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 207, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1-** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà S trả cho ông Đ số tiền mua trà còn nợ là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đ, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hằng tháng bà S còn phải trả khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2-** Án phí sơ thẩm: Buộc bà S chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

**3-** Ông Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà S vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Trường Hận**